

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 05/6/2014 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm khảo sát đầu tư dự án; Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Bệnh viện đa khoa Hồng Hà tại phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 13/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa Hồng Hà tại phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh” (Hội đồng thẩm định);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình 1139/TTr-STNMT ngày 15/3/2024 (trên cơ sở đề xuất của Công ty TNHH Tâm A tại Văn bản số 15/CV-TA ngày 12/12/2023 và hồ sơ liên quan; Ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Văn bản số 438/STNMT-MT ngày 26/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 08/CV-TA ngày 01/3/2024 của Công ty TNHH Tâm A về chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện một số nội dung liên quan); Ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh qua Phiếu biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Tâm A (địa chỉ: số 46 đường Phan Kính, tổ dân phố 8, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa Hồng Hà tại phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh” với các nội dung sau đây:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: “Bệnh viện đa khoa Hồng Hà tại phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh”.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 46 đường Phan Kính, tổ dân phố 8, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3001689902 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 11/11/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19/8/2020.

1.4. Mã số thuế: 3001689902

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án: Bệnh viện đa khoa, cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án xây dựng trên khu đất có diện tích 3.392,7m², tại phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Quy mô, công suất của dự án: 68 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Công ty TNHH Tâm A (Chủ đầu tư), Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm định, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình và Văn bản nêu trên, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, đầu tư, quy hoạch, xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Tâm A sau khi được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;

2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không

đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án và theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép..

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ban hành.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Lĩnh (Phòng Tài nguyên và Môi trường) tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện đa khoa Hồng Hà theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Hồng Lĩnh;
- Phó VP/UB (phụ trách);
- Công ty TNHH Tâm A;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Bái Hà

Phụ lục 01

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- 1.1. Nguồn phát sinh nước thải y tế:
- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ hoạt động chuyên môn trong bệnh viện (từ các phòng chức năng, phòng xét nghiệm, phòng tiểu phẫu, phòng mổ...)
- 1.2. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên bệnh viện;
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân;

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận; nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Nhà Lê (đoạn qua địa phận thôn Thuận Giang, xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Thôn Thuận Giang, xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2048140; Y(m) = 521920 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $79,9\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tương đương $3,33\text{ m}^3/\text{giờ}$).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt và nước thải y tế của bệnh viện sau khi xử lý được dẫn ra mương thoát nước chung dọc theo đường Lê Thước giáp phía Bắc bệnh viện, sau đó chảy theo mương thoát nước chung dọc theo đường Phan Kính ra nguồn tiếp nhận sông Nhà Lê theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả gián đoạn, chu kỳ xả nước thải 2 giờ/lần, thời gian xả 30 phút/chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt Cột A (K=1,2), QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28 :2010/BTNMT Cột A, hệ số K=1,2
1.	pH	-	6,5 – 8,5
2.	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28 :2010/BTNMT Cột A, hệ số K=1,2
3.	COD	mg/l	60
4.	TSS	mg/l	60
5.	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
7.	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36
8.	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2
9.	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12
10.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3000
11.	Salmonella	VK/100ml	Không phát hiện
12.	Shigella	VK/100ml	Không phát hiện
13.	Vibrio cholerae	VK/100ml	Không phát hiện

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ quá trình đào thải của con người được thu gom vào các bể tự hoại đặt ngầm dưới các khu nhà để xử lý. Bể tự hoại có tổng dung tích 156m³, gồm 04 bể nhỏ, mỗi bể có dung tích 39m³, kích thước 5,6x4,0x1,75m (trong đó 02 bể tại khu nhà 03 tầng đã xây dựng và 02 bể tại khu nhà 10 tầng xây mới). Nước thải sau đó theo ống PVC D90mm về hệ thống ống thu gom nước thải bằng PVC D200mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải từ hoạt động rửa tay chân, tắm, giặt,...chảy qua song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn, sau đó thoát theo đường ống PVC D90mm về hệ thống ống thu gom nước thải bằng PVC D200mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

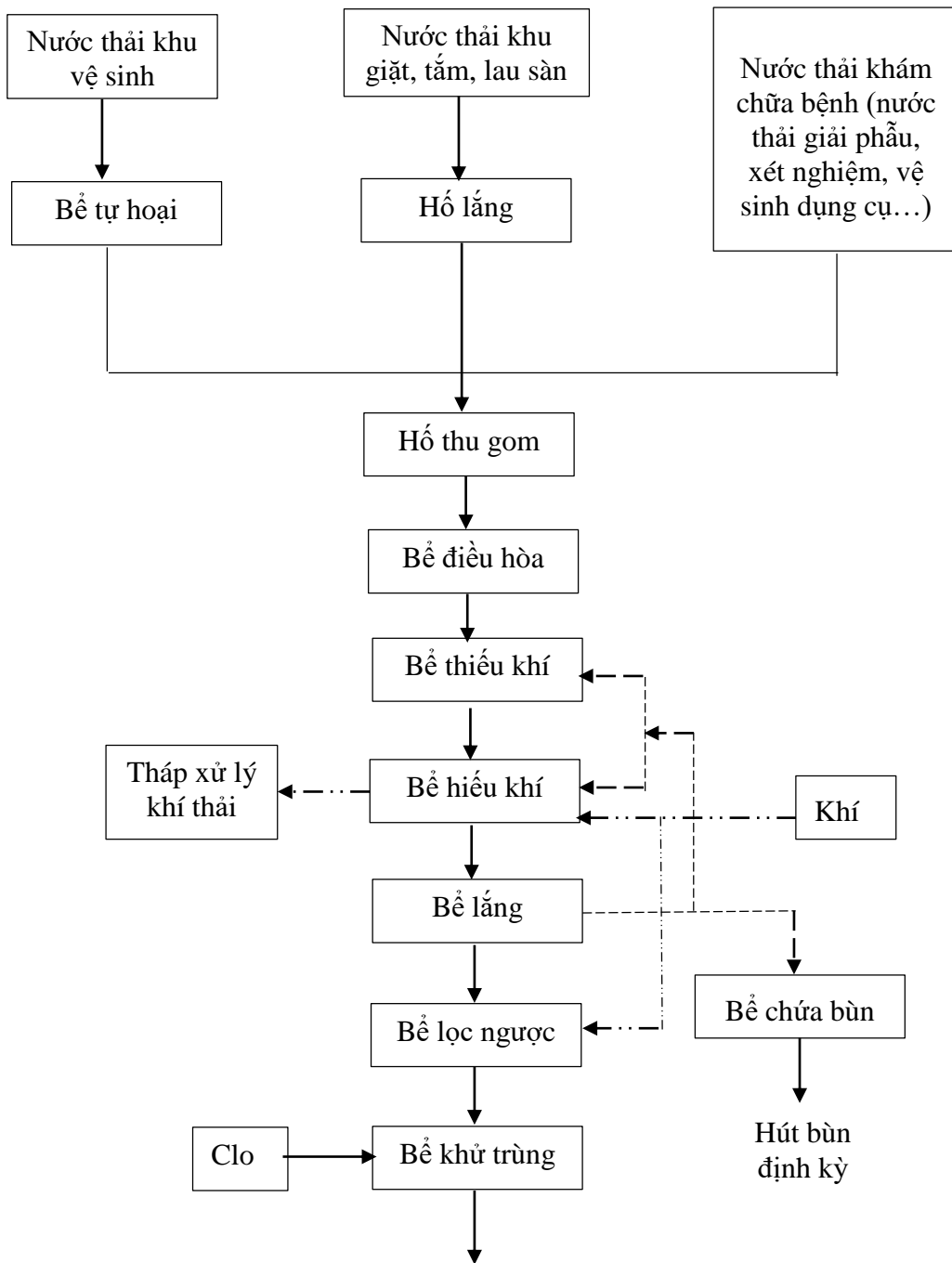
- Nước thải y tế: phát sinh từ hoạt động chuyên môn trong bệnh viện (từ các phòng chức năng, phòng xét nghiệm, phòng tiểu phẫu, phòng mổ...) chảy qua song chắn rác tại các vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn, sau đó theo đường ống PVC D90mm về hệ thống thu gom nước thải PVC D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công nghệ: Công nghệ sinh học thiếu – hiếu khí với giá thể di động (MBBR).

- Công suất xử lý: 100 m³/ngày đêm.

- Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:



Đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, k=1,2

Thuyết minh quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- *Hố thu gom*

Toàn bộ nước thải bệnh viện sẽ qua song chắn rác để đi vào hố thu gom; hố thu gom có thể tích $3,5 \text{ m}^3$, kích thước $(1,4 \times 1,3 \times 1,9)\text{m}$, kết cấu BTCT.

- *Bể điều hòa*

Nước thải sau khi qua hố thu gom chảy vào bể điều hoà. Tại bể điều hoà được cấp khí bằng hệ thống phân phối khí để khuấy trộn nước thải đồng thời oxy hoá một lượng nhỏ các chất hữu cơ trong nước thải. Bể điều hoà có thể tích 50 m^3 , kích thước $(4,1 \times 3,5 \times 3,5)\text{m}$, kết cấu BTCT.

- *Bể thiếu khí*

Nước thải được bơm từ bể điều hòa vào bể thiếu khí. Tại bể xử lý thiếu khí, nước thải được hòa trộn bằng máy khuấy trộn chìm. Bể thiếu khí có thể tích 50 m³, kích thước (4,1 x 3,5 x 3,5)m, kết cấu BTCT.

- Bể hiếu khí MBBR

Nước thải từ bể thiếu khí chảy vào bể hiếu khí MBBR. Tại đây diễn ra quá trình phân hủy hoàn toàn chất ô nhiễm có trong nước thải. Bể hiếu khí có thể tích 61 m³, kích thước (5,0 x 3,5 x 3,5)m, kết cấu BTCT.

- Bể lắng

Nước thải từ bể hiếu khí MBBR được chảy vào ống trung tâm của bể lắng nước thải được phân phối đều từ trên xuống, thời gian lưu khoảng 2-3 giờ. Nước thải sau thời gian lắng nhất định tách làm 2 phần riêng biệt: phần bùn lắng phía dưới bể được bơm tuần hoàn về bể hiếu khí MBBR và bể thiếu khí, phần nước trong ở phía trên chảy qua bể lọc ngược. Phần bùn dư được bơm về bể chứa bùn. Bể lắng có thể tích 22 m³, kích thước (3,5 x 1,8 x 3,5)m, kết cấu BTCT.

- Bể lọc ngược

Khi nước thải được bơm từ bể lắng qua bể lọc ngược, nước thải dâng lên cao qua các hạt lọc giữ lại các chất rắn lơ lửng. Thành phần cấu tạo trong bể lọc ngược gồm hệ thống khung lưới inox 304 lắp đặt trong bể, khung chứa các hạt xốp Xifor (hạt lọc nổi) có tác dụng lọc. Bể lọc ngược có thể tích 5m³, kích thước (1,8 x 0,8 x 3,5)m, kết cấu BTCT.

- Bể khử trùng:

Nước thải sau khi qua bể lọc ngược được đưa sang bể khử trùng bằng hình thức tự chảy. Thời gian khử trùng khoảng 1 giờ bằng Clo. Bể khử trùng có thể tích 7,35 m³, kích thước (1,5 x 1,4 x 3,5)m, kết cấu BTCT.

- Bể chứa bùn:

Bể chứa bùn tiếp nhận một phần bùn hoạt tính dư được bơm từ bể lắng sinh học, đồng thời là bể tách nước ra khỏi bùn và tuần hoàn lại một lượng nước về bể điều hòa. Bùn thải định kỳ được hút lên đưa đi xử lý. Bể chứa bùn có thể tích 12,25 m³, kích thước (3,5 x 1,0 x 3,5)m, kết cấu BTCT

- Cụm xử lý khí thải và mùi:

Cụm xử lý gồm quạt hút và tháp khử mùi có hệ thống giá đặt than hoạt tính, thiết bị thu khí từ bể hiếu khí, không khí sẽ được đi qua các khay lọc chứa than hoạt tính để loại bỏ các tạp chất gây mùi. Sau một thời gian hấp thụ các vật liệu than lọc bị bão hòa và sẽ được thay thế. Thiết bị lọc khí được làm từ inox có đường kính 0,3m, chiều cao 1,2m.

- Hóa chất, nguyên vật liệu sử dụng cho xử lý nước thải: NaOH, Chlorine, giá thể vi sinh di động, hạt xốp Xifor (hạt lọc nổi), than hoạt tính.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

** Đối với sự cố về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung bị hư hỏng:*

- Vận hành và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các máy móc thiết bị trong hệ thống như bơm chìm, máy khuấy, máy thổi khí,... theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; đồng thời các thiết bị luôn có phương án dự phòng khi hoạt động; có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung ghi chép đầy

đủ theo quy định; nhân viên vận hành được đào tạo về vận hành hệ thống XLNT tập trung.

- Theo dõi sự ổn định của hệ thống, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị để phát hiện sự cố một cách sớm nhất nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

** Đối với sự cố tắc nghẽn đồng hồ đo lưu lượng nước thải:*

- Lựa chọn thiết bị ban đầu tốt, sử dụng đúng mục đích;

- Bổ sung thêm các thiết bị phụ trợ như lưới chắn rác, lọc,.. để hạn chế tình trạng rác thải, cặn bẩn,...

- Khởi thông dòng chảy, làm sạch cặn bẩn bám vào cánh quạt của đồng hồ.

** Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách:*

- Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách;

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;

- Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy về an toàn lao động, hiểu biết và nắm rõ về các nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

** Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường:*

- Khóa van xả nước thải ra môi trường, thiết kế đường ống và bơm tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đủ lưu giữ, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian lưu.

- Báo cáo kịp thời cho cán bộ phụ trách và đề xuất phương án khắc phục. Việc hoàn thành sự cố sẽ được ưu tiên thực hiện sớm nhất để đưa hệ thống hoạt động bình thường trở lại, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra.

- Trường hợp sự cố nằm ngoài khả năng xử lý của cán bộ bệnh viện, cần liên hệ ngay với đơn vị có chức năng để tiến hành khắc phục một cách nhanh chóng nhất.

- Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải tập trung và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành.

- Bố trí kinh phí hàng năm để vận hành và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục các sự cố gây ô nhiễm nguồn nước có thể xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Ngay sau khi hoàn thành xây dựng hệ thống xử lý nước thải, dự kiến từ ngày 01/6/2025 đến ngày 01/12/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (tại hồ thu gom nước thải tập trung). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X (m) = 2048122, Y (m) = 521907 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Mẫu nước thải đầu ra tại miệng ống thoát nước sau bể khử trùng. Tọa độ vị trí lấy mẫu: X (m) = 2048132; Y (m) = 521918 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2.3.3 Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: tối thiểu 04 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải (ngày đầu tiên lấy 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra, từ ngày thứ 02 trở đi lấy 01 mẫu đầu ra/ngày).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường; tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và tại khoản 6 Điều 7 Thông tư số 20/2021/TT-B YT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường khi chưa đáp ứng quy định về xả thải theo yêu cầu tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 02

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / / 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Hoạt động của các phương tiện giao thông và người ra vào bệnh viện;
- Nguồn số 2: Hoạt động của máy nén khí.
- Nguồn số 3: Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 4: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Phát sinh phân tán nên không xác định được vị trí, tọa độ cụ thể.
- Nguồn số 2: Khu vực nhà nén khí. Tọa độ: X= 2048136; Y= 521925 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 3: Khu vực xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tọa độ: X= 2048132; Y= 521920 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 4 (hoạt động không thường xuyên): Khu vực đặt máy phát điện dự phòng. Tọa độ: X= 2048118; Y= 521898 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

3. Tiêu chuẩn tiếng ồn:

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Tối thiểu 01 năm/lần	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Quy định vận tốc tối đa của các phương tiện giao thông được phép ra vào bệnh viện.
- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo các thiết bị hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn; các máy thổi khí tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung bố trí đặt bên trong nhà có tường bao che và cửa ra vào kín; đối với máy phát điện, máy nén khí được đặt trong nhà có tường bao che và có biện pháp cách âm hiệu quả.
- Thiết lập các quy định về tiếng ồn, các khẩu hiệu nhắc nhở đi nhẹ, nói khẽ tại các khu vực trong bệnh viện.

- Xây dựng tường rào bệnh viện cao, trồng cây dọc tường rào để hạn chế tiếng ồn từ bên trong khuôn viên ảnh hưởng đến khu dân cư gần bệnh viện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

- Chất thải y tế nguy hại:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	NH	kg/năm	2822,6
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	KS	kg/năm	414,1
3	Dược phẩm gây độc tế bào thải	13 01 03	NH	kg/năm	207,0
4	Chất hàn răn amalgam thải	13 01 04	NH	kg/năm	3,5
5	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	NH	kg/năm	3,5
	Tổng			kg/năm	3.450,6

- Chất thải nguy hại khác

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	kg/năm	5
2	Pin thải, ắc quy thải	16 01 12	NH	kg/năm	25
3	Các loại dầu thải khác	17 07 03	NH	kg/năm	31
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	KS	kg/năm	40
5	Bao bì nhựa cứng thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	18 01 03	KS	kg/năm	59
6	Hộp chứa mực của máy in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	KS	kg/năm	35

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Đơn vị tính	Khối lượng
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	kg/năm	10,1
	Tổng			kg/năm	205,1

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng ước tính
1	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh, khách,...	2.520 kg/tháng
2	Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;	1.080 kg/tháng
3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;	
4	Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực;	
5	Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;	
6	Chất thải lây nhiễm sau khi đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;	
7	Bùn thải từ bể tự hoại	2,3 m ³ /tháng
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH	0,48 m ³ /tháng
9	Bùn nạo vét hệ thống mương thoát nước mưa	0,17m ³ /tháng

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

* Chất thải y tế nguy hại:

Chất thải y tế nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của bệnh viện được phân loại, phân định, thu gom và lưu chứa theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế và Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Tại các khoa, phòng: bố trí 60 thùng (loại 15 lít/thùng) màu vàng để thu gom chất thải y tế lây nhiễm, 20 thùng (loại 15 lít/thùng) màu đen để thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm.

Tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bố trí đủ các thùng chuyên dụng, mỗi thùng có dung tích khoảng 120 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại. Đối với chất thải giải phẫu (bệnh phẩm, nhau thai) được đựng trong hai lần túi buộc kín và được lưu giữ trong tủ bảo quản lạnh đặt ở khu vực lưu giữ.

* Chất thải nguy hại khác (bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy và hộp mực in thải): Bố trí các thùng chuyên dụng, dung tích khoảng 60 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại để lưu chứa.

2.1.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Chất thải y tế nguy hại và chất thải nguy hại khác được lưu giữ tại kho lưu chứa chất thải nguy hại (tại hạng mục 08 trong bản đồ điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng) để lưu giữ tạm thời trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích: 12,16 m². Kết cấu cột dầm sàn bê tông cốt thép, hệ tường bao xung quanh bằng gạch xây kín, có mái che; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Biện pháp xử lý: Toàn bộ chất thải y tế nguy hại và chất thải nguy hại khác của Bệnh viện được hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của bệnh viện được phân loại, lưu chứa theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Tại các khoa, phòng, khu khám chữa bệnh, khu đón tiếp bệnh nhân: bố trí 60 thùng 15 lít loại màu trắng thu gom rác thải tái chế, 60 thùng 15 lít loại màu xanh thu gom rác không tái chế; 30 thùng rác loại 60 lít để thu gom rác thải sinh hoạt.

- Tại khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường bố trí các thùng chứa có dung tích khoảng 120 lít để lưu giữ riêng chất thải sinh hoạt và chất thải tái chế.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Chất thải rắn thông thường được lưu chứa ở kho chứa chất thải thông thường tại hạng mục 08 trong bản đồ điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng (bên cạnh kho chứa chất thải nguy hại) để lưu giữ tạm thời trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Kho chứa chất thải thông thường có diện tích: 12,16 m² (kích thước: 3,8x3,2x3,0m). Kết cấu cột dầm sàn bê tông cốt thép, hệ tường bao xung quanh bằng gạch xây kín, có mái che; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước

mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Kho chứa chất thải thông thường được ngăn thành 02 khu vực riêng biệt (khu chứa chất thải tái chế và khu chứa chất thải thông thường khác).

- Biện pháp xử lý:

+ Chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế và chuyển giao cho cơ sở thu mua, tái chế theo quy định.

+ Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm và chất thải thông thường khác (bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải từ bể tự hoại và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi phân định không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH) được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

+ Bùn nạo vét hệ thống mương thoát nước mưa: Định kỳ tổ chức vệ sinh môi trường, nạo vét mương thoát nước và đưa vào khu vực trồng cây xanh trong khuôn viên bệnh viện.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. *Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:* Thực hiện đầy đủ các biện pháp PCCC theo hồ sơ thẩm duyệt PCCC của cơ quan chức năng và tuân thủ việc quản lý vận hành công trình, thiết bị theo đúng quy định.

2. *Phòng ngừa và ứng phó sự cố thiên tai, ngập lụt:*

- Theo dõi thường xuyên dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến mưa, bão nhằm có phương án ứng phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra sửa chữa, chằng chống các công trình.

- Kiểm tra, sửa chữa nạo vét hệ thống thoát nước thải, nắp đậy các hố ga, tránh hiện tượng sụt lún, nứt vỡ gây tắc nghẽn, ngập lụt cuốn theo nước bẩn ra môi trường xung quanh.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

3. *Phòng ngừa, ứng phó sự cố về điện:*

Các thiết bị điện phải tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng, phải có thiết bị bảo vệ quá tải, đối với những khu vực nhiệt độ cao, dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ, ngắt cầu dao điện khi không có nhu cầu sử dụng, thường xuyên kiểm tra độ an toàn của các công tắc, thiết bị điện.

4. *Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:* Thực hiện theo các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH